

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HS-ST

Ngày: 30-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hữu Tường

Ông Phan Công Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/HSST ngày 25/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 12/9/2024 đối với:

* Bị cáo: **Bùi Quang T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/3/1960, tại xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi thường trú: Thôn Thanh S, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 13, khu phố 6, phường Phước Long B, T phố T, T phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 10/10; Nghề nghiệp: Hưu trí. Nguyên là Chủ tịch UBND xã Cẩm Q từ năm 2010 đến năm 2013, đã bị thi hành kỷ luật bằng hình thức “Cách chức” theo Quyết định số 5564/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Cẩm X; Chức vụ, đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị xoá tên trong danh sách Đảng viên theo Quyết định số 11-QĐ/HU ngày 16/8/2023 của Huyện uỷ Cẩm Xuyên; Con ông Bùi Quang T và bà Nguyễn Thị X (đều đã chết); Vợ: Chu Thị K, sinh năm 1962, trú tại tổ 13, khu phố 6, phường Phước Long B, T phố Thủ Đ, TP Hồ Chí Minh; Con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/11/2023 đến nay tại tổ 13, khu phố 6, phường Phước Long B, T phố Thủ Đ, T phố Hồ Chí Minh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị cáo: **Nguyễn Thị Hồng N**; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 30/11/1982, tại xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Mỹ A, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nguyên là công chức Kế toán ngân sách UBND xã Cẩm Q từ 2006 đến 2013, đã bị thi hành kỷ luật bằng hình thức

“Buộc thôi việc” theo Quyết định số 5565/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Cẩm X; Chức vụ, đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ ra khỏi đảng theo Quyết định 100-QĐ/UBND ngày 10/7/2024 của Huyện uỷ huyện Cẩm X; Con ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1955, trú tại xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959, trú tại thị trấn Cẩm X, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Chồng: Lê Thế A, sinh năm 1977, trú tại xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố và ra lệnh bắt để tạm giam ngày 08/11/2023, tuy nhiên bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 03/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên ra Quyết định truy nã số 338/QĐTN-ĐKT-MT. Ngày 16/7/2024, bị cáo ra đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/7/2024 đến nay tại xã Cẩm Q, huyện Cẩm X. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị cáo: **Nguyễn Thanh B**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/11/1960, tại xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Thượng L, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 10/10; Nghề nghiệp: Hưu trí. Nguyên là Bí thư Đảng uỷ xã Cẩm Q, nhiệm kỳ 2010-2015; Chức vụ, đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đang sinh hoạt tại chi bộ Thôn Thượng L, thuộc Đảng bộ xã Cẩm Q, huyện Cẩm X. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Cẩm X; Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L (Đều đã chết); Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1976, trú tại Thôn Thượng L, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Con: Có 3 người, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 02/5/2024 đến nay tại Thôn Thượng L, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị cáo: **Nguyễn Huy L**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03/10/1965, tại xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Thanh M, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 10/10; Nghề nghiệp: Bí thư Đảng uỷ xã Cẩm Q, nhiệm kỳ 2020-2025, đã bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ và chức vụ tại Quyết định số 18-QĐ/HU ngày 12/6/2024 của Ban thường vụ Huyện uỷ Cẩm X; Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Cẩm Q nhiệm kỳ 2021-2026, đã bị tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn tại Quyết định số 11/QĐ-HĐND ngày 11/6/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Cẩm Q. Nguyên là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cẩm Q từ năm 2007 đến năm 2013, đã bị thi hành kỷ luật bằng hình thức “Cảnh cáo” theo Quyết định số 5566/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm X; Chức vụ, đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đang sinh hoạt tại chi bộ Quân sự xã Cẩm Q, huyện Cẩm X. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Cẩm X; Con ông Nguyễn Huy N (Đã chết) và con bà Chu Thị H, sinh năm 1931, trú tại xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Vợ: Lê Thị C, sinh năm 1966, trú tại thôn

Thanh M, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Con: Có 02 người, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 11/6/2024 đến nay tại thôn Thanh M, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị cáo: **Bùi Thị K**; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 09/11/1950, tại xã Sơn T, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Khối phố Tân P, phường Vinh T, T phố V, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 07/10; Nghề nghiệp: Hưu trí; Chức vụ, đảng phái: Quân chủng; Con ông: Bùi Doãn Đ và bà Nguyễn Thị D (Đều đã chết); Chồng: Nguyễn Đôn H (đã chết); Con: Có 01 người, sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 405/2017/HSPT ngày 20/6/2017 của TAND cấp cao tại Hà Nội xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày 20/6/2017 về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 06/9/2018 chấp hành xong hình phạt và các nội dung khác của bản án, đương nhiên được xoá án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 02/5/2024 đến nay tại khối phố Tân P, phường Vinh T, T phố V, tỉnh Nghệ An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Quang T*: Bà Phan Thị H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh B*: Ông Võ Quốc H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Đại diện UBND xã Cẩm Q, huyện Cẩm X: Ông Phạm Văn T; Chức vụ: Chủ tịch UBND xã (Có mặt)

+ Anh Đào Văn L, sinh năm 1987; Nghề nghiệp: Giám đốc công ty CPVT và XD Toàn Đ; Trú tại: Thôn Vĩnh A, xã Lưu Vĩnh S, huyện Thạch H, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

+ Ông Hoàng Xuân D, sinh năm 1953; Trú tại: Thôn Mỹ A, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn Thiện N, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

+ Chị Vũ Thị B, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn Thanh S, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn Vĩnh P, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

+ Ông Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn Thiện N, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

+ Ông Chu Văn D, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn Thanh S, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

+ Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn Thượng L, xã Cẩm Q,

huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn 9, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1965; Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Chị Trương Thị T, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ dân phố 16, thị trấn Cẩm X, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Cẩm X, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

+ Chị Trần Thị N, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn Vĩnh P, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 07/2010, ông Hoàng Xuân D (Giám đốc xí nghiệp tư nhân Hoàng D) gặp ông Bùi Quang T - Chủ tịch UBND xã Cẩm Q và Nguyễn Thanh B - Bí thư Đảng ủy xã Cẩm Q trao đổi về việc có quen biết với Bùi Thị K là người có khả năng môi giới xin nguồn vốn viện trợ không hoàn lại (ODA) của Đại sứ quán Nhật B tại Việt Nam cho các xã khó khăn để xây dựng trường học hoặc đường giao thông nông thôn. Ông D cũng nói rõ việc xin vốn này phải trích phần trăm chi phí cho Bùi Thị K. Thời điểm này, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X có điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều tuyến đường liên thôn trên địa bàn xã bị hư hỏng, không có kinh phí để xây dựng, nâng cấp.

Sau đó, tại các cuộc họp của Thường trực Đảng ủy, Ban thường vụ Đảng ủy xã Cẩm Q cũng như mở rộng thêm một số T viên chủ chốt trong UBND xã Cẩm Q, Bùi Quang T và Nguyễn Thanh B đã đưa nội dung xin nguồn vốn viện trợ này ra xin ý kiến tập thể. Thường trực Đảng ủy xã, Ban thường vụ Đảng ủy xã cũng như các T viên khác đều thống nhất quyết định việc xin nguồn vốn viện trợ để làm tuyến đường giao thông liên thôn 12, 13 và 16 của xã Cẩm Q, thống nhất việc trích phần trăm cho người môi giới và giao cho UBND xã Cẩm Q tổ chức thực hiện.

Khoảng cuối tháng 7/2010, Hoàng Xuân D chở tập thể lãnh đạo xã Cẩm Q gồm: Bùi Quang T, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị Hồng N ra nhà Bùi Thị K, tại phường Hưng D, T phố V, tỉnh Nghệ An để gặp K thoả thuận nhờ xin vốn. Theo yêu cầu của K, xã Cẩm Q đã lập một Bản cam kết có chữ ký của Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch UBND xã, đóng dấu Đảng ủy, dấu UBND xã trên bản thoả thuận với nội dung *“K sẽ được hưởng 40% tổng số tiền viện trợ sau khi Ủy ban nhân dân xã Cẩm Q nhận được nguồn vốn ODA của Nhật B”*. Sau đó, Bùi Thị K hướng dẫn UBND xã Cẩm Q xây dựng hồ sơ, trong đó T lập Ban quản lý công trình đường giao thông liên thôn 12, 13, 16 do Bùi Quang T làm Trưởng ban, Nguyễn Huy L - Phó chủ tịch UBND xã làm Phó ban.

Sau đó, Bùi Thị K liên lạc với một người đàn ông tên T (không xác định được nhân thân, lai lịch), theo K là người có các mối quan hệ tại Đại sứ quán Nhật B có khả

năng chạy, xin vốn viện trợ cho các địa phương để trao đổi, thông báo về việc xã Cẩm Q có nhu cầu nhờ môi giới xin vốn viện trợ và đồng ý trích 40% số tiền xin được. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, Nguyễn Huy L trực tiếp đưa cho K để cho ông T nộp cho Đại sứ quán Nhật B thẩm định.

Khoảng tháng 10/2010, Đại sứ quán Nhật B cử đoàn công tác kiểm tra thực tế dự án. Đến khoảng tháng 6/2011, nhân viên Đại sứ quán Nhật B liên lạc và thông báo cho Bùi Quang T về thời gian ra Hà Nội ký kết hợp đồng tài trợ vốn và yêu cầu UBND xã Cẩm Q mở tài khoản ngân hàng để tiếp nhận tiền. Ngày 20/7/2011, Bùi Quang T chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng N mở tài khoản số 3705201003308 mang tên UBND xã Cẩm Q do T đứng chủ tên chủ tài khoản, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên.

Ngày 28/7/2011, đoàn cán bộ của xã Cẩm Q gồm: Bùi Quang T, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Hồng N và một số T viên khác đã ra Hà Nội ký kết hợp đồng tài trợ vốn với Đại sứ quán Nhật B. Theo hợp đồng tài trợ, Đại sứ quán Nhật B viện trợ cho xã Cẩm Q 95.727 USD, tương đương số tiền 1.983.265.220 đồng để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường liên thôn 12, 13 và 16, UBND xã Cẩm Q có trách nhiệm phải thực hiện đúng dự án theo hồ sơ và *“Chi đúng mục đích số tiền được viện trợ, không được chi vào mục đích nào khác”*. Ngày 05/8/2011, Đại sứ quán Nhật B chuyển về tài khoản số 3705201003308 số tiền 45.727 USD (tương đương 820.800.000 đồng). Tiếp đó, ngày 07/10/2011, chuyển số tiền: 50.000 USD (tương đương 1.162.465.220 đồng). Tổng số tiền Đại sứ quán Nhật B đã chuyển là 1.983.265.220 đồng.

Sau khi nhận được tiền tài trợ, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Cẩm Q đã họp thống nhất chuyển nguồn vốn viện trợ này để thực hiện xây dựng dự án tuyến đường giao thông liên thôn 3, 5 và 6, 7 thay vì xây dựng tuyến đường liên thôn 12, 13 và 16 như hợp đồng tài trợ đã ký kết do xét thấy tuyến đường liên thôn 12, 13 và 16 quá dài và một phần kinh phí đã trích % cho Bùi Thị K nên sẽ không đủ kinh phí để xây dựng. Để triển khai thực hiện, Bùi Quang T đã ký các Quyết định T lập Ban chỉ đạo, Ban giám sát thi công đường cũng như các Quyết định chỉ định thầu, hồ sơ liên quan đến thi công đường liên thôn 3, 5 và 6, 7. Đồng thời, T đã chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng N lập và ký Séc rút tiền mặt về không nhập vào quỹ ngân sách mà tự quản lý chi trả trực tiếp, không hạch toán vào ngân sách xã theo chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước.

Từ ngày 10/8/2011 đến ngày 06/7/2012, Bùi Quang T đã ký Séc cho Nguyễn Thị Hồng N thực hiện rút tiền trong tài khoản 10 lần với tổng số tiền là: 1.988.950.000 đồng (gồm cả lãi ngân hàng). Cũng sau khi chuyển tiền tài trợ về cho UBND xã Cẩm Q, Bùi Thị K đã nhiều lần liên lạc với Bùi Quang T đề yêu cầu chi trả tiền %. T đã chỉ đạo Nhung chi trả từ số tiền đã rút về cho K 3 lần với tổng số tiền là 620.000.000 đồng, không lập chứng từ chi, không ký nhận tiền, cụ thể: Ngày 19/9/2011, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Nguyễn Thị Hồng N đưa cho K số tiền 500.000.000 đồng; Ngày 15/12/2011, Nguyễn Huy L và Nguyễn Thị Hồng N đưa cho K số tiền 80.000.000 đồng; Ngày 21/3/2012, Bùi Quang T, Nguyễn Huy L đưa

cho K số tiền 40.000.000 đồng. Theo thỏa thuận số tiền trích cho Bùi Thị K là 795.000.000 đồng, UBND xã Cẩm Q còn thiếu 175.000.000 đồng. K khai nhận sau khi nhận tiền đã đưa cho người đàn ông tên T số tiền 600.000.000 đồng, K giữ lại 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, số tiền rút về trên đã được chi các khoản như sau: Chi thực hiện dự án đường giao thông liên thôn 3, 5 và 6, 7 tổng số tiền là 1.214.410.000 đồng; Ngày 10/7/2012, Bùi Quang T cầm 20.000.000 đồng và khai nhận là sử dụng để trả chi phí kiểm toán công trình (không có chứng từ). Sau đó, T đã đưa số tiền này cho Hoàng Xuân D nhờ giúp thuê đơn vị làm kiểm toán.

Tổng số tiền đã chi tính đến ngày 28/3/2013 là 1.854.410.000 đồng, còn tồn quỹ tiền mặt 134.639.000 đồng. Ngày 29/3/2013, Nguyễn Thị Hồng N đã nộp vào tài khoản 3705201003308 số tiền 92.639.000 đồng. Còn số tiền 42.000.000 đồng được chi, thanh toán chi phí quản lý dự án cho Ban quản lý công trình.

Đối với các khoản thu, khoản chi tiền từ tài trợ của Đại sứ quán Nhật B nói trên, Nguyễn Thị Hồng N đã mở 01 Quyển sổ quỹ tiền mặt (số 01, năm 2011), ghi chép các khoản thu, chi từ ngày 19/9/2011 đến ngày 06/10/2011. Tuy nhiên, sổ quỹ tiền mặt này không nằm trong hệ thống sổ sách theo dõi ngân sách xã, không chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính, kho bạc Nhà nước và Hội đồng nhân dân xã. Đồng thời, để hợp lý hóa các khoản thu, chi, ngày 28/3/2013, Nhung cũng tự cân đối để lập: Phiếu thu không số đề ngày 20/9/2011 thể hiện việc rút số tiền 690.000.000 đồng; Phiếu chi số 02 đề ngày 19/9/2011 với nội dung “Chi tạm ứng kinh phí để xin vốn” với số tiền 690.000.000 đồng và một số phiếu thu, chi khác.

Ngoài ra, trong quá trình thi công đường giao thông liên thôn 3, 5 và 6, 7 do hết kinh phí nên Bùi Quang T đã chỉ đạo Nhung rút tạm ứng từ nguồn ngân sách xã số tiền 400.000.000 đồng để chi trả chi phí xây dựng.

Đến khoảng tháng 3/2012, do hết vốn đầu tư nên việc thi công mặc dù chưa hoàn thiện 100% khối lượng so với thiết kế nhưng phải dừng lại và giữa chủ đầu tư và các đơn vị thầu đã tiến hành nghiệm thu quyết toán khối lượng công việc theo thực tế. Các phần khối lượng chưa thi công, đến năm 2019, ban cán sự thôn Thanh Mỹ, xã Cẩm Q (trước đây là thôn 3, 5 và 6, 7) đã huy động nhân dân đóng góp kết hợp một phần kinh phí UBND xã hỗ trợ, để hoàn T đưa vào sử dụng.

Năm 2013, các cá nhân liên quan đã nộp lại tổng số tiền 390.000.000 đồng, gồm 350.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả (trong đó: Bùi Quang T nộp 70.000.000 đồng; Nguyễn Huy L nộp 40.000.000 đồng; Nguyễn Thanh B nộp 80.000.000 đồng; Bùi Thị K nộp 80.000.000 đồng; Nguyễn Hồng Nhung nộp 80.000.000 đồng) và 40.000.000 đồng nộp trả lại số tiền đang tạm giữ.

Ngày 10/6/2014, thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện Cẩm X, Công an huyện Cẩm X đã chuyển trả số tiền 390.000.000 đồng này cho UBND xã Cẩm Q (vào số tài khoản 3705201003308). Thời điểm này, tính cả tiền lãi và tiền gốc số tiền còn lại là 485.809.505 đồng. Số tiền này sau đó đã được sử dụng để hoàn trả theo yêu cầu cho Đại sứ quán Nhật B (369.237.505 đồng), còn lại sử dụng để thanh toán các khoản chi phí xây dựng còn thiếu.

Ngày 23/07/2018, Ủy ban nhân dân xã Cẩm Q ra Quyết định số 61/QĐ-UBND về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn T đối với công trình đường giao thông liên thôn 3, 5 và 6, 7 thì tổng giá trị quyết toán được phê duyệt là 1.737.164.686 đồng. Trong đó, Công ty CPTV và XD Toàn Đ được phê duyệt quyết toán số tiền 41.478.780 đồng, nhưng hồ sơ phản ánh đã thanh toán, cho tạm ứng 50.000.000 đồng. Như vậy, so với giá trị được chấp nhận quyết toán, UBND xã Cẩm Q đã chi thừa số tiền 8.521.220 đồng.

** Kết quả trưng cầu giám định:* Bản kết luận giám định ngày 24/8/2023 của Tổ Giám định Tư pháp - Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh kết luận như sau:

a. Nội dung thứ nhất: Về các khoản chi từ số tiền 1.983.265.220 đồng tiền viện trợ của ĐSQ Nhật B cho UBND xã Cẩm Q:

- Tổng số tiền đã chi từ số tiền 1.983.265.220 đồng tiền viện trợ của ĐSQ Nhật B cho UBND xã Cẩm Q và tiền lãi phát sinh, đều không thực hiện đúng quy định của pháp luật do vi phạm các quy định sau đây:

+ Khi nhận số tiền này đơn vị đã không làm thủ tục thu vào ngân sách nhà nước vi phạm quy định tại Khoản m Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước 2002 (Luật NSNN): “Nguồn thu ngân sách địa phương bao gồm:...Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương”.

+ Vi phạm Khoản 3 Điều 14 Luật Kế toán 2003 về kế toán: “Các hành vi bị nghiêm cấm:...3. Để ngoài sổ sách kế toán tài sản của đơn vị kế toán hoặc tài sản liên quan đến đơn vị kế toán”.

+ Các khoản chi này không có dự toán được phê duyệt vi phạm điểm a Khoản 2 Điều 5 Luật NSNN 2002.

+ Các khoản chi này vi phạm Khoản C hợp đồng viện trợ đã thỏa thuận trong hợp đồng: không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng hoặc gây trở ngại cho việc thực hiện hợp đồng của đối tác. Hành vi vi phạm hợp đồng có thể là hành vi không thực hiện hợp đồng hoặc từ chối những thỏa thuận trong hợp đồng hoặc cả hai hành vi nói trên.

- Các khoản chi gây thiệt hại ngân sách nhà nước:

Nguyên tắc xác định thiệt hại: Thiệt hại được xác định khi tiền (vốn) của nhà nước được thanh toán cho những khối lượng, công việc không thi công, không làm; chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định mà tiền (vốn) này đã chuyển quyền sở hữu và đã thoát khỏi sự kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước.

Quyết định cuối cùng của cơ quan quản lý nhà nước về số tiền viện trợ đó là Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 V/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn T. Do đó các khoản nộp lại của bà Bùi Thị K 20.000.000 đồng ngày 30/9/2013 và số tiền ông Hoàng Xuân D nộp lại 20.000.000 đồng ngày 27/5/2013 là số tiền ông Bùi Quang T đưa cho ông D nói là nhờ làm hồ sơ kiểm toán, chưa tính là thiệt hại do nộp trước Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn T.

Các khoản thiệt hại được xác định gồm:

- Chi trả tiền trích % theo cam kết xin được nguồn vốn viện trợ cho bà Bùi Thị K: 600.000.000 đồng (không lập chi);

- Chi phí giám sát thi công được phê duyệt quyết toán là 41.478.780 đồng, trong khi đã thanh toán trước cho đơn vị giám sát thi công là 50.000.000 đồng. Số tiền thiệt hại được xác định là 8.521.220 đồng (= 50.000.000 đồng - 41.478.780 đồng). Như vậy, các khoản ngân sách bị thiệt hại trong vụ án này là 608.521.220 đồng (gồm có 600.000.000 đồng trích % cho Bùi Thị K và 8.521.220 chi phí giám sát thi công đã duyệt quyết toán lớn hơn).

Theo quy định tại Khoản 8 Điều 65 Luật Ngân sách Nhà nước 2015 thì những khoản chi ngân sách nhà nước (nói trên) không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ cho ngân sách.

b. Nội dung thứ hai: Quy định của Nhà nước về việc quản lý, sử dụng và quyết toán số tiền 1.983.265.220 đồng tiền viện trợ của ĐSQ Nhật B cho UBND xã Cẩm Q:

Khi tiếp nhận nguồn viện trợ thì kế toán ngân sách xã phải làm thủ tục ghi thu vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành Luật NSNN:

“Điều 50. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền hoặc hiện vật của các Chính phủ, các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ, các cấp chính quyền và các cơ quan, đơn vị nhà nước phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định sau đây:

1. Đối với các khoản viện trợ đã xác định được đơn vị sử dụng thì cơ quan Tài chính làm thủ tục ghi thu, ghi chi qua ngân sách nhà nước”.

Trường hợp này đơn vị sử dụng là UBND xã Cẩm Q. Nội dung chi đã được xác định theo hợp đồng tài trợ là sử dụng để thực hiện dự án đường giao thông liên thôn và phải được sử dụng đúng mục đích, không được chi vào mục đích khác.

Ban Tài chính xã Cẩm Q có trách nhiệm ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước; đồng thời, UBND xã Cẩm Q phải có trách nhiệm báo cáo với Phòng Tài chính huyện Cẩm Xuyên để được hướng dẫn thực hiện quản lý Đ bảo quy

** Về thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật; xử lý vật chứng:* Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên đã tạm giữ tổng số tiền 253.521.220 đồng do các cá nhân có liên quan và các bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, thiệt hại của vụ án, cụ thể:

- Tạm giữ của ông Đào Văn L - Giám đốc Công ty CPTV và XD Toàn Đ, số tiền 8.521.220 đồng;

- Tạm giữ của bà Bùi Thị Thúy - con gái Bùi Quang T số tiền 100.000.000 đồng (nộp thay cho Bùi Quang T);

- Tạm giữ của Nguyễn Thị Hồng N số tiền 55.000.000 đồng;

- Tạm giữ của Nguyễn Thanh B số tiền 50.000.000 đồng;

- Tạm giữ của Nguyễn Huy L số tiền 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên đã tạm giữ các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nguồn vốn do Đại sứ quán Nhật B tài trợ; quá trình thi công, thanh quyết toán xây dựng công trình đường giao thông liên thôn 3, 5 và 6, 7, chuyển theo hồ sơ vụ án.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Năm 2013, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại tổng số tiền 390.000.000 đồng, gồm 350.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả (trong đó: Bùi Quang T nộp 70.000.000 đồng; Nguyễn Huy L nộp 40.000.000 đồng; Nguyễn Thanh B nộp 80.000.000 đồng; Bùi Thị K nộp 80.000.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng N nộp 80.000.000 đồng và 40.000.000 đồng nộp trả lại số tiền đang tạm giữ. Năm 2023, các bị cáo tự nguyện nộp thêm số tiền 245.000.000 đồng, trong đó Bùi Quang T nộp 100.000.000 đồng; Nguyễn Thị Hồng N nộp 55.000.000 đồng; Nguyễn Huy L nộp 40.000.000 đồng và Nguyễn Thanh B nộp 50.000.000 đồng. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên thu giữ từ ông Đào Văn L - Giám đốc Công ty CPTV và XD Toàn Đ số tiền 8.521.220 đồng. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Bùi Quang T, Bùi Thị K, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Huy L và Nguyễn Thanh B mỗi bị cáo đã nộp 1.000.000 đồng khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm X. Như vậy, các bị cáo và người liên quan đã tự nguyện khắc phục đầy đủ thiệt hại trong vụ án với tổng số tiền là 608.521.220 đồng.

Với hành vi nêu trên, bản Cáo trạng số: 39/CT-VKS-CX ngày 25/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”, theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s, v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Quang T 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s, v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B mức án tù từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Khoản 1

Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy L mức án từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s, o Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị K mức án từ 27 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 258.521.220 đồng, bao gồm: 258.521.220 đồng do các cá nhân có liên quan và các bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, thiệt hại của vụ án trong giai đoạn điều tra và 5.000.000 đồng do bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên trước khi mở phiên tòa.

- Về án phí: Buộc Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Huy L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thanh B và Bùi Thị K.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thanh B nhất trí với tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, độ tuổi, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo mức án thấp nhất có thể.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo là khách quan, phù hợp với Cáo trạng truy tố cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng cuối tháng 7/2010, qua giới thiệu, tập thể lãnh đạo xã Cẩm Q đã liên hệ và gặp Bùi Thị K để đặt vấn đề nhờ K xin nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Đại sứ quán Nhật B tại Việt Nam, phục vụ xây dựng các tuyến đường liên thôn trên

địa bàn xã. Sau khi thỏa thuận, lãnh đạo xã Cẩm Q thống nhất xã trích 40% tổng số tiền viện trợ cho Bùi Thị K.

Theo hợp đồng tài trợ, Đại sứ quán Nhật B tại Việt Nam viện trợ cho xã Cẩm Q 95.727 USD (tương đương 1.983.265.220 đồng) để thực hiện dự án đường giao thông liên thôn 12, 13 và 16 trên địa bàn xã. Tháng 8/2011 và tháng 10/2011, Đại sứ quán Nhật B 02 lần chuyển tiền cho UBND xã Cẩm Q với tổng số tiền 1.983.265.220 đồng. Sau khi nhận tiền, Bùi Quang T đã chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng N nhiều lần rút tiền mặt về không nhập vào quỹ ngân sách mà tự quản lý chi trả trực tiếp, không hạch toán vào ngân sách xã theo đúng chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước. Từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2012, đã chi tiền trích % theo thỏa thuận cam kết cho Bùi Thị K 03 lần với tổng số tiền 620.000.000 đồng, không lập chứng từ chi, không ký giao nhận tiền trong đó: Ngày 19/9/2011, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Nguyễn Thị Hồng N đưa cho Bùi Thị K số tiền 500.000.000 đồng; Ngày 15/12/2011, Nguyễn Huy L và Nguyễn Thị Hồng N đưa cho K 80.000.000 đồng và ngày 21/3/2012 Bùi Quang T, Nguyễn Huy L đưa cho K số tiền 40.000.000 đồng, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước số tiền 608.521.220 đồng.

Hành vi trên của Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K đã cấu T tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, với tình tiết định khung “Gây thiệt hại từ ba trăm triệu đồng đến dưới một tỷ đồng hoặc gây hậu quả rất nghiêm trọng khác”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, việc xét xử các bị cáo về tội danh, điều luật như Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng nào; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”; “T khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Bùi Quang T được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương như: Huân chương chiến công hạng Nhì, Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì; được Đảng ủy xã Cẩm Q ghi nhận những T tích, đóng góp trong công tác; Bản thân bị cáo là thương binh loại A, thương tật hạng 51% (3/4) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người có T tích xuất sắc trong chiến đấu” và “Người phạm tội là người có công với cách mạng”, quy định tại Điểm v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thanh B được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương như: Huân chương chiến công hạng Ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; Đảng ủy xã Cẩm Q có đơn ghi nhận những T tích, đóng góp trong công tác; Bị cáo là thương binh loại AQ, thương tật hạng 27% (4/4) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người có T tích xuất sắc trong chiến đấu” và “Người phạm tội là người có công với cách mạng”, quy định tại các Điểm v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Huy L trong quá trình công tác tại UBND xã, Đảng ủy xã Cẩm Q đã có nhiều đóng góp, T tích; bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 1984 - 1988, quân số thuộc biên chế Sư đoàn 377 Quân chủng phòng không không quân, có nhiều đóng góp trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N sau khi bị truy nã đã tự nguyện từ Hungari trở về Việt Nam để ra đầu thú, hợp tác làm việc với cơ quan điều tra. Ngoài ra, bị cáo có bố, mẹ được các cơ quan Đảng và nhà nước tặng thưởng nhiều huy chương, giấy khen nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Bùi Thị K, hiện đã 74 tuổi, sức khỏe yếu, thường xuyên bệnh tật nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” theo quy định tại Điểm o Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội và hình phạt: Trên cơ sở xem xét một cách toàn diện về tính chất hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo, HĐXX nhận thấy đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Bùi Quang T là người chủ mưu đồng thời là người thực hành; Nguyễn Thị Hồng N là người thực hành và đồng thời là người giúp sức; các bị cáo Nguyễn Huy L, Nguyễn Thanh B và Bùi Thị K là những người giúp sức.

Đối với bị cáo Bùi Quang T, với cương vị là Chủ tịch UBND xã, nhưng đã không làm đúng chức trách, nhiệm vụ của mình, đã chỉ đạo bỏ số tiền viện trợ của Đại sứ quán Nhật B tại Việt Nam ra ngoài sổ kế toán của UBND xã và biết rõ việc mình và những cá nhân lãnh đạo xã Cẩm Q thỏa thuận trích 40% trong tổng số tiền tài trợ để chi cho người môi giới là trái với quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, chi tiền môi giới cho Bùi Thị K với số tiền tại thời điểm bị phát hiện là 620.000.000 đồng. Hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm để nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và phải chịu mức án cao nhất.

Tiếp đến là bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, đóng vai trò là người thực hành, đồng thời là người giúp sức. Với chức trách, nhiệm vụ là kế toán ngân sách UBND xã Cẩm Q, nhưng theo sự chỉ đạo của Bùi Quang T, bị cáo Nhung đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của mình, không ghi thu, ghi chi ngân sách xã theo quy định đối với khoản tiền tài trợ, nhiều lần lập, ký séc rút tiền mặt, chi tiền môi giới cho Bùi Thị K; tự mở sổ sách theo dõi nhưng ghi chép sơ sài, không đầy đủ, không tuân thủ theo quy định về nghiệp vụ kế toán nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Bùi Thị K, đóng vai trò là người giúp sức. K là người trực tiếp thực hiện hành vi môi giới xin vốn tài trợ của Đại sứ quán Nhật B cho xã Cẩm Q, bị cáo thực hiện hành vi với động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân, đã nhận số tiền 620.000.000 đồng từ xã Cẩm Q. Hành vi của bị cáo là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi phạm tội của Bùi Quang T và Nguyễn Thị Hồng N.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh B và Nguyễn Huy L, đóng vai trò là những người giúp sức. Ngay từ đầu khi bị cáo Bình nắm được thông tin về việc Bùi Thị K có thể xin được vốn tài trợ, dù biết phải trích 40% cho K nhưng Bình vẫn đồng tình, sau đó tại các cuộc giao ban của Thường trực Đảng ủy cũng thống nhất cao về việc này. Sau khi xin được tiền tài trợ, Bình đã trực tiếp đi cùng Nguyễn Huy L và Nguyễn Thị Hồng N đưa tiền cho Bùi Thị K; Bị cáo Nguyễn Huy L biết rõ quá trình nhờ Bùi Thị K môi giới xin vốn tài trợ, biết rõ việc trích 40% vốn tài trợ được nhận cho K là sai quy định của pháp luật, gây thất thoát ngân sách Nhà nước. Theo sự chỉ đạo của Bùi Quang T, Nguyễn Huy L đã nhiều lần trực tiếp mang hồ sơ xin vốn đưa cho Bùi Thị K, ba lần xã Cẩm Q chi tiền môi giới cho K với tổng số tiền 620.000.000 đồng bị cáo Long đều tham gia cùng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm hoạt động quản lý kinh tế đúng đắn của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên biết khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thì phải tuân thủ các quy định, quy trình của Nhà nước về quản lý kinh tế. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sự việc đã xảy ra từ nhiều năm trước, tại thời điểm đó xã Cẩm Q thuộc diện xã khó khăn, nhiều tuyến đường liên thôn trên địa bàn xã bị hư hỏng, không có kinh phí để xây dựng, sửa chữa. Mục đích của các bị cáo là xin nguồn viện trợ để sửa chữa, xây dựng các tuyến đường phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân; các bị cáo không có mục đích tư lợi cá nhân và không được hưởng lợi ích vật chất từ nguồn tiền được viện trợ. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đã thực sự ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thiệt hại; Bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L có nhân thân tốt; Bị cáo Bùi Thị K hiện đã già yếu, bệnh tật; Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Huy L cũng đã bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đã đủ nghiêm, để cơ hội sửa chữa sai lầm, hòa nhập với cộng đồng, thể hiện tính nhân đạo, nhân văn của pháp luật như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt và áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm Đ nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L phạm tội không có mục đích tư lợi cá nhân, không được hưởng lợi ích vật chất; Bị cáo Bùi Quang T đã bị “Cách chức”; Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N đã bị “Buộc thôi việc”; Bị cáo Nguyễn Huy L đã

bị kỷ luật “Cảnh cáo” và hiện chưa bố trí công việc cụ thể; Bị cáo Bùi Thị K không làm việc tại cơ quan nhà nước, hiện đã già yếu bệnh tật. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và trước khi mở phiên tòa, bị cáo Bùi Quang T, Bùi Thị K, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Huy L và Nguyễn Thanh B và người liên quan đã tự nguyện khắc phục đầy đủ toàn bộ thiệt hại trong vụ án với tổng số tiền là 608.521.220 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với số tiền mình đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả. Không ai có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng: Đối với số tiền 253.521.220 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên tạm giữ do các cá nhân có liên quan và các bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, thiệt hại của vụ án, hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên và số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên trước khi mở phiên tòa, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng nguồn vốn do Đại sứ quán Nhật B tài trợ; quá trình thi công, thanh quyết toán xây dựng công trình đường giao thông liên thôn 3, 5 và 6, 7, chuyển theo hồ sơ vụ án nên lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[7] Đối với các đối tượng liên quan khác trong vụ án:

Đối với ông Hoàng Xuân D, là người giới thiệu Bùi Thị K cho Bùi Quang T, Nguyễn Thanh B. Năm 2007, ông D cũng đã giới thiệu bà K cho UBND xã Gia Phố, huyện Hương Khê để xin vốn và trích % nên khi giới thiệu, ông D cũng biết và nói rõ về việc nhờ bà K xin vốn tài trợ phải trích % bà K. Ông D liên hệ với bà K để đặt lịch cho xã Cẩm Q gặp làm việc, trước khi đi ra nhà bà K, theo bà K hướng dẫn, ông D cũng dẫn ông T mang theo con dấu của UBND xã và Đảng ủy xã. Ngoài ra, ông D cũng đã điều khiển xe chở lãnh đạo xã Cẩm Q ra nhà gặp bà K một số lần, chở ông Long mang hồ sơ cho bà K... Ông D thừa nhận: Bản thân lúc đó là Giám đốc Xí nghiệp Tư nhân Hoàng D, đơn vị chuyên nhận thầu thi công các công trình xây dựng. Do vậy, ông D giúp đỡ xã Cẩm Q để tạo mối quan hệ sau này có dự án xây dựng của xã thì sẽ có cơ hội được thầu. Mặt khác, bản thân là người sinh sống trên địa bàn xã, biết điều kiện nhân dân trong xã còn nhiều khó khăn, nên muốn giúp đỡ xã có điều kiện sửa sang đường xá. Ngoài ra, thời điểm đó, phương tiện đi lại khó khăn, đường xa, ông D có xe ô tô nhân rồi nên chở giúp cán bộ xã đi khỏi phải thuê xe đi lại tốn kém, bất tiện. Tuy nhiên, việc làm của ông D không phải là mục đích vụ lợi. Ngoài ra, việc được nhận thầu thi công còn trên cơ sở đơn vị thi công phải đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định. Bên cạnh đó, việc ông D giới thiệu, kết nối bà K cho xã Cẩm Q cũng xuất phát từ mối quan hệ cá nhân với xã, với bà K. Ông D biết như thế nào thì trao đổi với lãnh đạo xã Cẩm Q như vậy, còn việc thực hiện hay không, thực hiện như thế nào là tùy thuộc vào ý thức chủ quan, chức trách, nhiệm vụ của

các cán bộ, lãnh đạo xã Cẩm Q. Quá trình xã lập hồ sơ xin vốn, quản lý, sử dụng nguồn vốn, chi tiền % cho bà K, ông D không có hành vi can thiệp, tác động, hướng dẫn. Mặt khác, ông D cũng không hiểu biết về việc quản lý nhà nước về ngân sách, tài chính, không biết và không buộc phải biết nguồn tiền do nước ngoài viện trợ phải được quản lý, sử dụng như thế nào. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Hoàng Xuân D.

Đối với bà Nguyễn Thị Đ, tại thời điểm xảy ra vụ án, bà là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Cẩm Q. Quá trình điều tra xác định trong các cuộc họp của Thường trực Đảng ủy xã Cẩm Q bàn về việc xin vốn tài trợ, đi cùng đoàn ra nhà bà K ký cam kết xin vốn, bà Đ đều tham gia. Bà Đ thừa nhận có tham gia họp Thường trực Đảng ủy xã và biết về việc xin vốn tài trợ, trích % cho người môi giới, có ra nhà bà K và chứng kiến việc Bùi Quang T và Nguyễn Thanh B ký cam kết trích 40% số tiền tài trợ xin được cho Bùi Thị K. Tuy nhiên, bà Đ cho rằng, bản thân là ủy viên ban thường vụ Đảng ủy xã, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã nên các cuộc họp, các đoàn công tác đại diện cho xã bà đều bắt buộc phải tham gia chứ thực chất không có quyền quyết định. Đồng thời, chủ trương xin vốn viện trợ trích 40% đều được đưa ra bàn bạc dân chủ, đồng tình cao, với mục đích là xây dựng đường sá. Mặt khác, việc xin vốn tài trợ, quản lý, sử dụng vốn tài trợ như thế nào là nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã chứ bản thân bà và Ủy ban MTTQ xã không thực hiện. Sau khi tiền tài trợ được Đại sứ quán Nhật B cấp về, bà cũng không biết số tiền này được quản lý, sử dụng như thế nào, chỉ cho Bùi Thị K cụ thể là bao nhiêu. Do vậy, không xem xét xử lý hình sự đối bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ.

Đối với bà Trần Thị N, là thủ quỹ của UBND xã Cẩm Q từ năm 2009 đến năm 2014. Tuy nhiên, việc quản lý, thu - chi nguồn tiền viện trợ bà N không được giao theo dõi, ghi thu chi vào Sổ quỹ tiền mặt chính thống của UBND xã mà do Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp quản lý, chi sử dụng. Quá trình Bùi Quang T ký Séc để Nguyễn Thị Hồng N đi rút tiền mặt từ tài khoản ngân hàng, Nhưng có rủ bà N đi cùng rút tiền 02 lần và có tham gia ký tên vào Séc rút tiền.

Ngoài ra, có một số phiếu phản ánh thu chi nguồn tiền viện trợ có chữ ký của bà Ng, nhưng bà N không nhớ đã ký thời gian nào, nội dung ra sao. Vì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước đây, thỉnh thoảng Nguyễn Thị Hồng N vẫn đưa chứng từ, phiếu thu chi sang nhờ bà N ký để bỏ hồ sơ, không đọc nội dung là gì. Bên cạnh đó, các khoản tiền thu- chi từ nguồn vốn viện trợ không nhập ngân sách xã nên không được theo dõi trong sổ quỹ tiền mặt. Do vậy, về mặt nghiệp vụ kế toán tài chính, các phiếu thu chi này sẽ không qua sự giám sát của kho bạc hoặc Phòng tài chính huyện nên có thể chỉ lập ra để theo dõi, hợp lý hóa việc thu chi. Do đó, không có cơ sở để xem xét xử lý đối với bà Trần Thị N.

Đối với ông Nguyễn Huy Đ, là Phó Bí thư Đảng ủy xã Cẩm Q giai đoạn 2010- 2012; ông Chu Văn D, là Phó Chủ tịch UBND xã Cẩm Q giai đoạn 2010- 2012. Quá trình điều tra xác định trong các cuộc họp của chính quyền xã Cẩm Q bàn về việc xin vốn tài trợ, ông D đều tham gia và biết về việc xin vốn tài trợ, trích % cho người môi giới. Tuy vậy, các cuộc họp này ông Đ, ông D có T phần liên quan

nên phải tham gia chứ thực chất không có quyền quyết định gì. Đồng thời, chủ trương xin vốn viện trợ trích 40% đều được đưa ra bàn bạc dân chủ, đồng tình cao của tập thể. Mặt khác, việc xin vốn tài trợ, quản lý, sử dụng vốn tài trợ như thế nào do trực tiếp Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N thực hiện chứ ông Đ, ông D không được giao bất cứ nhiệm vụ gì liên quan. Do đó, không có cơ sở để xem xét xử lý đối với ông Nguyễn Huy Đ và Chu Văn D.

Đối với bà Trương Thị T, là công chức địa chính - xây dựng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Q từ năm 2006 đến nay. Quá trình xây dựng hồ sơ xin vốn viện trợ, bà T được giao phối hợp với Nguyễn Huy L thực hiện việc khảo sát, đo đạc, chụp ảnh, vẽ sơ đồ... hiện trạng tuyến đường cần xây dựng để lập hồ sơ thiết kế tuyến đường (chưa cần thẩm định) phục vụ việc xin vốn. Bà T chỉ thực hiện việc xây dựng hồ sơ thiết kế ban đầu theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã, không được tham gia các cuộc họp, không được thông báo, đóng góp ý kiến về nội dung này cũng như không được giao nhiệm vụ gì liên quan đến việc quản lý nguồn vốn viện trợ nói trên. Quá trình thi công dự án đường giao thông liên thôn 3, 5 và 6, 7, Nguyễn Huy L được phân công làm Trưởng ban Ban quản lý công trình còn bà Trâm là Phó Trưởng Ban quản lý, có nhiệm vụ giám sát việc thi công. Ngày 06/9/2013, bà Trương Thị T cũng đã bị Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên ra Quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức “Cảnh cáo” vì sai phạm nói trên. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Trương Thị T.

Đối với người đàn ông tên T theo bị cáo Bùi Thị K trình bày là người giúp nộp hồ sơ xin vốn viện trợ và đã nhận 600.000.000 đồng tiền chi phí môi giới. Quá trình điều tra cũng như căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án: Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra tại xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, không xác định được con người cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có vai trò của ông Ngô Phúc N, thời điểm năm 2010 - 2011 là Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Cẩm Q. Tuy nhiên, hiện ông N đã chết nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên không xem xét, xử lý.

Đối với Đại sứ quán Nhật B tại Việt Nam, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên đã có công văn mời đại diện làm việc để xem xét, đánh giá lại các nội dung có liên quan đến nguồn vốn viện trợ nêu trên, cũng như các yêu cầu bồi thường, khắc phục thiệt hại nếu có. Tuy nhiên, Đại sứ quán Nhật B tại Việt Nam không phản hồi cũng như không cử đại diện làm việc. Mặt khác, trong hồ sơ vụ án, liên quan đến nguồn vốn viện trợ cho UBND xã Cẩm Q năm 2011, Đại sứ quán Nhật B tại Việt Nam cũng đã có công hàm yêu cầu UBND xã Cẩm Q hoàn trả số tiền thừa sau khi thực hiện dự án và đã được UBND xã Cẩm Q thực hiện đầy đủ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Xuyên không tiếp tục xem xét, xử lý về nội dung này.

[8] Về án phí: Bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thanh B, Bùi Thị K thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo

Bị cáo Nguyễn Huy L, Nguyễn Thị Hồng N phải chịu phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Huy L và Bùi Thị K phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”.

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s, v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Quang T **03 (Ba) năm tù** nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách **05 (Năm) năm**. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/10/2024).

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N **03 (Ba) năm tù** nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách **05 (Năm) năm**. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/10/2024).

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s, v, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B **24 (Hai bốn) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách **48 (Bốn tám) tháng**. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/10/2024).

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy L **24 (Hai bốn) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách **48 (Bốn tám) tháng**. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/10/2024).

- Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, s, o Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị K **28 (Hai tám) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách **54 (Năm bốn) tháng**. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/10/2024).

Giao bị cáo Bùi Quang T cho Ủy ban nhân dân phường Phước Long B, T phó Thủ Đức, T phó Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thanh B và Nguyễn Huy L cho Ủy ban nhân dân xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Thị K cho Ủy ban nhân dân phường Vinh Tân, T phố Vinh, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người phải thi hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 258.521.220 đồng (*Hai trăm năm mươi tám triệu năm trăm hai mươi một nghìn hai trăm hai mươi đồng*), trong đó: 253.521.220 đồng (*Hai trăm năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi một nghìn hai trăm hai mươi đồng*) do các cá nhân có liên quan và các bị cáo nộp trong giai đoạn điều tra, số tiền hiện đang tạm giữ tại số tài khoản 3949.0.1052775.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh và số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) do các bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên trước khi mở phiên tòa (Bị cáo Bùi Quang T nộp 1.000.000 đồng theo biên lai số 0003304 ngày 18/10/2024; bị cáo Nguyễn Thị Hồng N nộp 1.000.000 đồng theo biên lai số 0003355 ngày 27/8/2024; Bị cáo Nguyễn Thanh B nộp 1.000.000 đồng theo biên lai số 0003307 ngày 30/10/2024; bị cáo Nguyễn Huy L nộp 1.000.000 đồng theo biên lai số 0003306 ngày 30/10/2024 và bị cáo Bùi Thị K nộp 1.000.000 đồng theo biên lai số 0003305 ngày 18/10/2024).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Huy L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thanh B và Bùi Thị K.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Xuyên;
- Công an huyện Cẩm Xuyên;
- THA.HS Công an huyện Cẩm Xuyên;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Huyện ủy Cẩm X; Đảng ủy xã Cẩm Q;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng